



# Kiểm soát an ninh tài chính trong quá trình hội nhập

TS. PHAN THỊ BÍCH NGUYỄN

*Sự bất ổn tài chính chỉ là một hình thức của bất ổn định về kinh tế. Vậy có sự phân chia rõ ràng giữa bất ổn định tài chính với những loại bất ổn định khác, chẳng hạn như bất ổn định kinh tế vĩ mô hay không? Nếu có thì sự phân biệt giữa chúng là gì? Sự dao động liên tục của giá cả thị trường và lãi suất đã góp phần vào sự tồn tại lâu dài của nền kinh tế thị trường bằng cách đưa ra những chức năng nhận dạng tương tự nhau và sự phân chia lại của thị trường.*

## Sự cần thiết

An ninh tài chính và an ninh kinh tế có mối liên hệ với nhau. Dưới ảnh hưởng của toàn cầu hóa (bên cạnh mặt tích cực, nó còn bộc lộ những khía cạnh tiêu cực: tăng tính phụ thuộc giữa các quốc gia, khu vực phát triển không đồng đều...), hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là tự do hóa tài chính, các nước phải đối mặt với rủi ro tài chính ngày càng lớn và khủng hoảng tài chính đã trở thành mối đe dọa chủ yếu đến an ninh kinh tế thế giới. Thực tế khủng hoảng tài chính khu vực vừa qua càng cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này.

Ngoài ra, sự gia tăng hội nhập tài chính và coi trọng quá mức vào dòng vốn tư nhân có thể làm cho những nước

đang phát triển dễ mất ổn định do có sự đảo ngược lớn của dòng vốn, đặc biệt đối với những quốc gia có chính sách tài khóa yếu, hệ thống ngân hàng được bảo vệ quá mức cần thiết hoặc quản lý tồi và thị trường vốn nội địa thì lại bị bóp méo cao độ.

Nhiều trường hợp các quốc gia trên thế giới rơi vào tình trạng khủng hoảng tài chính do quá trình tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính đi quá nhanh so với sự phát triển trong nước về cơ sở hạ tầng, về luật pháp, hệ thống quản lý thận trọng và các quy định về phát triển thể chế thị trường khác.

Chúng ta có thể xem xét cụ thể hơn mặt tác động tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ảnh hưởng như thế

nào đến nền kinh tế của một quốc gia, đặc biệt là tác động của tự do hóa thương mại và tự do hóa tài chính để từ đó thấy được tầm quan trọng, sự cần thiết của việc kiểm soát an ninh tài chính nói riêng và an ninh kinh tế nói chung trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

## Tự do hoá thương mại

Trong điều kiện các quốc gia như VN có mức lạm phát thấp, tỷ giá và cung tiền ổn định, không mở cửa tài chính đồng thời với mở cửa thương mại, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tự do hóa thương mại sẽ tác động đến an ninh tài chính và tăng trưởng kinh tế trên một số mặt sau:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ Tháng Mười Hai 2005

**Đối với nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN)**

Đối với các nước công nghiệp phát triển, mối liên hệ giữa các chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách thương mại không thật sự khăng khít, có nghĩa là chính phủ có thể vay để bù đắp ngân sách mà không cần đến cứu cánh của ngân hàng trung ương, doanh thu từ thuế nhập khẩu không phải là nguồn thu rất quan trọng của chính phủ. Ngược lại ở các nước đang phát triển, chính sách tiền tệ và tài chính có liên quan chặt chẽ với nhau hơn bởi khả năng tài trợ thâm hụt ngân sách là hạn chế, hơn nữa tại các nước này (trong đó có VN), thuế xuất nhập khẩu được coi là nguồn thu đáng kể cho NSNN. Nhìn chung trong ngắn hạn, tự do hóa thương mại có những tác động tiêu cực lên thu ngân sách như sau:

- Trong thời gian đầu việc cắt giảm thuế quan xuất nhập khẩu sẽ làm giảm đáng kể nguồn thu ngân sách, đặc biệt từ thuế nhập khẩu. Tự do hóa thương mại thường gây ra chênh lệch thương mại (là việc thay đổi chuyển hướng luồng thương mại sau khi mở cửa thương mại, từ chỗ các quốc gia khi chưa hội nhập thường mua sản phẩm từ các nước ngoài khu vực với giá rẻ, sau khi mở cửa thương mại, do hàng rào thuế quan giữa các nước trong khu vực đã được cắt giảm, hàng hóa nhập khẩu từ các nước thành viên trở nên rẻ hơn so với hàng ngoài khu vực nên các quốc gia thành viên lại chủ yếu mua hàng hóa của nhau, gây ra hiện tượng chênh lệch thương mại) cũng làm giảm nguồn thu ngân sách. Mức thất thu từ thuế nhập khẩu do chênh lệch thương mại có xu hướng giảm dần theo quá trình gia nhập vào các khối, các liên minh kinh tế lớn hơn với số thành viên ngày càng nhiều.

- Nguồn thu thuế từ các doanh nghiệp làm ăn có lãi từ khu vực công nghiệp thay thế nhập khẩu sẽ giảm sút và sự thâm hụt này chưa được bù đắp tức thời từ các doanh nghiệp xuất khẩu mới làm ăn hiệu quả.

- Việc thua lỗ của các doanh nghiệp nhà nước trong khu vực thay thế nhập khẩu sẽ kéo theo sự suy giảm NSNN, đặc biệt là khi các doanh nghiệp cố kéo dài không giảm mức lương thực tế hoặc trợ cấp cho công nhân.

**Đối với cán cân vãng lai (thu chi ngoại tệ)**

Các hoạt động của quá trình tự do hóa thương mại hầu hết được phản ánh trong các hạng mục của cán cân vãng lai, đặc biệt là cán cân thương mại. Một khi hàng rào phi thuế quan bị dỡ bỏ, khả năng chịu đựng thâm hụt của cán cân vãng lai sẽ phụ thuộc chủ yếu vào tình trạng cán cân thương mại, đặt biệt đối với các nước đang phát triển. Cán cân thương mại một quốc gia sẽ thâm hụt hay thặng dư phụ thuộc chủ yếu vào khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất nhập khẩu hay là giá quốc tế của hàng hóa xuất nhập khẩu, chính sách tỷ giá hối đoái, chính sách lãi suất, chính sách thương mại của chính phủ. Khi cán cân thương mại gây ra thâm hụt cán cân vãng lai một cách trầm trọng, triển miên thì hậu quả làm gia tăng gánh nặng nợ nước ngoài, dễ bùng phát khủng hoảng cán cân vãng lai.

Như vậy tự do hóa thương mại có tác động đáng kể lên cán cân thương mại và cán cân vãng lai, có thể gây nên thâm hụt hay thặng dư qua đó gây ra sự lên giá của đồng bản tệ và tăng gánh nợ nước ngoài gây ra thiệt hại khác nhau cho ngân sách. Mức thâm hụt lâu dài với mức độ lớn dễ gây ra khủng hoảng cán cân vãng lai, nguy hại tới an ninh tài chính quốc gia.

**Tự do hoá tài chính**

Tài chính có vai trò quan trọng để đảm bảo cho sự thành công của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hội nhập tài chính có thể làm tăng tính bất ổn theo hai cách:

- Có thể mở toang nền kinh tế của các nước đang phát triển làm cho nền kinh tế tiếp cận trực diện với những nguồn gốc mới của những cú sốc trong kinh tế quốc tế.

- Khuếch đại và làm trầm trọng thêm những cú sốc trong nước.

Tự do hóa tài chính chứa đựng những nguy cơ bất ổn như tự do hóa có thể kéo theo thu hút vốn, nếu như lãi suất quốc gia cao hơn lãi suất quốc tế, nhưng thu hút vốn cũng đặt ra nhiều vấn đề như thất thoát vốn. Chúng sẽ tăng cường tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng và hỗ trợ mở rộng tín dụng. Chúng cũng đặt ra nhiều khó khăn về chính sách kinh tế bởi vì các cơ quan quản lý buộc phải lựa

chọn giữa việc tăng tỷ giá hối đoái - bất lợi cho khu vực xuất khẩu - với việc tăng tổng lượng tiền mặt một cách thái quá...

Sau cuộc khủng hoảng tiền tệ Đông Nam Á, người ta ngày càng coi trọng vấn đề rủi ro tiền tệ, và vấn đề an ninh tiền tệ trong chiến lược an ninh quốc gia, đồng thời đã đưa ra hàng loạt các biện pháp chính sách và cơ chế nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ. Như vậy, an ninh tài chính cũng là nền tảng quan trọng trong hệ thống an ninh quốc gia, do đó trong chiến lược an ninh tài chính cần coi trọng và phòng tránh rủi ro tài chính. Chúng ta thường hay bắt gặp những rủi ro tài chính điển hình sau:

Rủi ro tài chính đối với các khoản nợ nước ngoài không kiểm soát: Các nước đang phát triển với nền kinh tế hầu như không có tích lũy rất cần một lượng vốn lớn, đặc biệt là vốn bên ngoài để làm động lực phát triển kinh tế - xã hội. Huy động nguồn ngoại lực để phát triển là một hướng đi đúng đối với các nước nghèo. Tuy nhiên, nợ nước ngoài lại tiềm ẩn nhiều rủi ro tác động tiêu cực đến an ninh tài chính quốc gia. Vấn đề đặt ra đối với mọi quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những nước đang phát triển là phải đảm bảo an ninh tài chính quốc gia trong lĩnh vực vay nợ nước ngoài, tức là đảm bảo cho tài chính ổn định, an toàn, vững mạnh và phát triển, có khả năng tiếp nhận sự di chuyển của các luồng vốn vay quốc tế trên cơ sở các luồng vốn được thu hút hợp lý, sử dụng hiệu quả, đảm bảo khả năng hoàn trả nợ kết hợp với sự đảm bảo quốc gia có một cán cân thanh toán quốc tế bền vững, tỷ giá hối đoái ổn định và dự trữ ngoại hối đáp ứng yêu cầu dự phòng của nền kinh tế.

Vay nợ nước ngoài nếu không tính hết nhu cầu thực tiễn, khả năng hấp thụ vốn, cũng như khả năng trả nợ, đồng thời, việc quản lý lại lỏng lẻo, chính sách vay nợ không hợp lý, vay mượn tràn lan sẽ dẫn đến thất thoát, tham nhũng, kinh tế kém phát triển, nguy cơ không còn khả năng trả nợ, nghèo đói gia tăng, mất ổn định kinh tế và kéo theo là mất ổn định chính trị - xã hội, đó là chưa kể đến việc các nước chủ nợ gây ảnh hưởng làm lệch hướng phát triển kinh tế, thậm chí thông qua kinh tế để áp đặt chính sách chuyển hóa chính trị nước đi vay.

(Xem tiếp trang 18)

● **Viện trợ phát triển (ODA):**

Sau khi quan hệ ngoại giao được thiết lập, VN luôn nằm trong số ba nước nhận viện trợ nhiều nhất từ Hàn Quốc (ngoại lệ năm 2003 do phải tăng viện trợ cho Iraq nên VN xếp xuống vị trí thứ tư). ODA đặc biệt ưu đãi trong các lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo, y tế, hỗ trợ nhân đạo cho các vùng sâu vùng xa, xây dựng thể chế cho các khu vực đang trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế tập thể, phát triển nông nghiệp và nông thôn. Quy mô ODA mà Hàn Quốc dành cho VN tính đến cuối năm 2004 là 188,6 triệu USD; trong đó 148 triệu USD là khoản tín dụng ưu đãi từ quỹ hợp tác phát triển (EDCF) và 40,6 triệu USD viện trợ không hoàn lại do cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) cấp.

Trải qua mười ba năm hợp tác toàn diện (1992 – 2005) với nỗ lực từ hai Chính phủ, từ cộng đồng doanh nghiệp hai nước, quan hệ Việt – Hàn đã được phát triển mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu; trong từng lĩnh vực quan hệ đã và đang được cải thiện đáng kể. Hàn Quốc đã xác định được vị thế của mình trong quan hệ với Việt Nam: thứ tư trong hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; là thị trường xuất khẩu lớn thứ chín (chưa kể dầu thô); là nước cung cấp hàng nhập khẩu lớn thứ năm và là thị trường xuất khẩu lao động lớn thứ tư của Việt Nam; đồng thời VN cũng luôn là một trong bốn nước nhận viện trợ không hoàn lại nhiều nhất từ chính phủ Hàn Quốc. Đây là một thành tựu đáng khích lệ và là nền móng cho sự hợp tác lâu dài và bền vững giữa hai Chính phủ. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn tồn tại nhiều vấn đề cần được xem xét và giải quyết để tiến tới một quan hệ lâu dài và bền vững hơn:

Thứ nhất: Trong thương mại do năng lực sản xuất của VN còn nhiều hạn chế, cơ cấu hàng xuất khẩu thường có giá trị kinh tế thấp cộng vào là các rào cản thương mại của Hàn Quốc; công tác xúc tiến thương mại của VN tại Hàn Quốc còn nhiều hạn chế ... trong khi hàng xuất khẩu của Hàn Quốc vào VN đại đa số là sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao như máy móc thiết bị, linh kiện, xăng dầu... có giá trị kinh tế cao. Đây chính là nguyên nhân dẫn tới tình trạng nhập siêu trong buôn bán với Hàn Quốc và tình trạng nhập siêu này đang ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Nếu năm 1993 nhập siêu là 382 triệu USD thì mười năm sau 2003 lên tới con số 2,1 tỷ USD chiếm trên 38% mức nhập siêu của VN năm 2003 (VN nhập siêu trên 5,5 tỷ USD).

Thứ hai: Tình hình phân bố FDI của Hàn Quốc không đồng đều giữa các địa phương trong cả nước và tập trung chủ yếu vào Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Dương và TP.HCM với tổng số 581 dự án, quy mô vốn đăng ký đạt trên 3 tỷ USD (chiếm 74% số dự án và trên 79% vốn đăng ký vào VN, tính đến cuối tháng 7.2004).

Thứ ba: Trong lĩnh vực xuất khẩu lao động nhiều vấn đề nảy sinh ngay từ khâu đầu tiên là tuyển và đào tạo lao động để xuất khẩu lao động của VN; rồi tình trạng bỏ hợp đồng ra làm việc bên ngoài chiếm tỷ lệ tương đối cao 59,25%. VN là nước có tỷ lệ lao động bỏ hợp đồng đứng thứ ba sau Myanmar 72,9%; Bangladesh là 78,6%. Tình trạng này làm xấu đi hình ảnh lao động VN trên thị trường lao động quốc tế.

Để giải quyết những tồn tại trên, về phía chính phủ VN và các bộ ngành có liên quan như Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ tài chính, Bộ lao động, thương binh và xã hội, Bộ thương mại và các đơn vị chức năng cần phối hợp để tháo gỡ những vướng mắc và đề ra những giải pháp hữu hiệu nhằm kích cho hoạt động thương mại và đầu tư hai nước phát triển mạnh trong thời gian tới; nâng cao hơn nữa hiệu quả mối quan hệ hợp tác Việt – Hàn trong thế kỷ XXI.

Tóm lại, tiềm năng hợp tác giữa hai quốc gia còn rất lớn, với nền tảng đạt được sau mười ba năm hợp tác toàn diện đòi hỏi hai quốc gia cần chủ động hơn nữa trong việc giải quyết những vướng mắc; dự báo những vấn đề có thể phát sinh trong quan hệ hợp tác và các giải pháp phòng ngừa nhằm tiếp thêm sức mạnh cho quan hệ hợp tác của hai quốc gia. Trên cơ sở đó chúng ta có quyền hy vọng về một tương lai xán lạn cho cả hai dân tộc trên cơ sở hoà bình – hợp tác – thịnh vượng ■

(Tiếp theo trang 3)

## Kiểm soát an ninh tài chính...

Xu thế toàn cầu hóa, tự do hóa tài chính góp phần tăng mạnh luồng vốn rót vào các nước đang phát triển và phân bổ có hiệu quả hơn các khoảng tiết kiệm và đầu tư trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, cơ chế kiểm soát vốn thiếu hiệu quả, không có “van an toàn” bằng khuôn khổ pháp lý đồng bộ quy định mức lãi suất, cơ chế giám sát phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng, đặc biệt là đối với vốn tín dụng tư nhân và các nguồn vốn ngắn hạn sẽ làm tăng nguy cơ khủng hoảng tài chính tiền tệ khi các nhà đầu tư đột ngột rút vốn, luồng vốn đổi chiều và hậu quả có thể xảy ra như ở Indonesia, Thái Lan trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997.

Do quá trình tự do hóa tài chính và mở cửa thị trường vốn đã khuyến khích quá trình vay nợ bằng ngoại tệ, vì lãi suất thấp hơn, và mức độ rủi ro thấp hơn. Thủ tục vay nợ của tư nhân phải thông qua sự bảo lãnh của chính phủ hoặc các tổ chức nhân hàng. Tuy nhiên do thiếu thông tin nên chính phủ không thể kiểm soát nổi nợ nước ngoài của tư nhân, do đó cũng có thể xảy ra các rủi ro tài chính.

Bên cạnh các khoản nợ nước ngoài của tư nhân, nợ nước ngoài của chính phủ nếu không có khả năng trả nợ cũng có thể đưa đến rủi ro và châm ngòi cho khủng hoảng tài chính.

Việc đảm bảo an ninh tài chính trong vay nợ nước ngoài của VN hiện nay đang là một vấn đề thời sự. Các cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra liên tiếp ở các đang phát triển vừa qua và đặc biệt là khủng hoảng nợ ở Argentina hồi đầu năm 2002 là những hồi chuông cảnh báo về yêu cầu đảm bảo an ninh vay nợ nước ngoài. Trong khi đó, nền kinh tế VN đang trong tiến trình đổi mới, từng bước hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều chính sách kinh tế - tài chính đang cần được đổi mới cho phù hợp, việc nghiên cứu chủ trương, chính sách, biện pháp đảm bảo an ninh vay nợ nước ngoài là một yêu cầu cấp thiết để phát triển để phát triển nền kinh tế nước ta một cách bền vững ■